

Bản án số: **69/2025/HNGĐ- ST**

Ngày 26/6/2025
V/v “Ly hôn; Tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thê
2. Ông Ngô Cao Lâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn B (T)**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, B1 tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn B (T) được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2009 tại UBND xã V, huyện S. Sau ngày cưới vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn G, xã V, huyện S. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống trong kinh tế, nuôi dạy con cái và vấn đề tình cảm dẫn đến hai vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống và đã ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn B.

1.2. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Minh H1, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Lê Phương T1, sinh ngày 04/8/2013. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu H1 và cháu T1 cho anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh B đến để giải quyết vụ án nhưng anh B đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc trực tiếp với anh B tại nơi cư trú và xác định được quan điểm của anh B là anh nhất trí ly hôn với chị H. Đối với việc giao nuôi con theo đề nghị của chị H thì anh nhất trí nuôi cả hai con, không có yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên anh không ký các biên bản làm việc của Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định được Bộ và chị Hải đăng K kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới anh chị về sinh sống tại thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có mâu thuẫn về chuyện tình cảm với anh B. Gia đình đã hòa giải, động viên nhưng chị H đều không đồng ý. Anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Về con chung anh chị có 02 con chung là cháu Lê Minh H1, sinh năm 2010 và cháu Lê Phương T1, sinh năm 2013. Về tài sản chung, công nợ chung của anh chị thì thôn không nắm được. Hiện tại, anh B đi làm công nhân cho một công ty tại xã V, huyện S, sáng đi tối về, thu nhập và chỗ ở ổn định. Bố mẹ anh B ở cùng thôn với anh B, hiện nay sức khỏe vẫn đảm bảo để giúp anh B chăm các con.

Theo lời khai của ông Lê Văn T2 là bố đẻ của anh B thì năm 2018 vợ chồng anh B chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm xa được một thời gian thì không còn tình cảm với anh B, sau đó chị H tiếp tục đi làm và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình đã nhiều lần khuyên chị H nhưng chị không đồng ý quay về. Về con chung anh chị có 02 con chung là cháu Lê Minh H1, sinh năm 2010 và cháu Lê Phương T1, sinh năm 2013. Kể từ ngày chị H và anh B sống ly thân, cả hai cháu cháu H1, T1 vẫn ở cùng anh B. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị thì ông không nắm được. Hiện anh B có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, làm gần nhà, sáng đi tối về; bản thân ông còn khỏe và đủ điều kiện giúp anh B nuôi con. Việc chị H làm đơn ly hôn anh B đã biết, anh đồng ý ly hôn với chị H, đồng ý nuôi các con nhưng anh không đồng ý làm việc với Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại

Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 53, Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn B (T).

* Về con chung: Giao cháu Lê Minh H1, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Lê Phương T1, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Lê Văn B (T) trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tố tụng*: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn B, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Lê Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh B hiện nay làm công ty tại xã, sáng đi tối về. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo, anh B cũng đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn nhưng anh B vẫn không đến Tòa án làm việc; khi Tòa án làm việc trực tiếp tại nơi cư trú thì anh B đưa ra ý kiến chứ không ký biên bản làm việc, nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Đây được xem là trường hợp người bị kiện không hợp tác nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, công bố văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Lê Văn B vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân

huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2009 tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chính thức ly thân từ đó đến nay. Bản thân anh B có quan điểm nhất trí ly hôn nhưng anh không ký các biên bản làm việc của Tòa án. Kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của những người làm chứng phù hợp quan điểm của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh B và chị H thực tế đã không tồn tại từ năm 2018 đến nay, cả hai đã không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Lê Văn B.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lê Minh H1, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Lê Phương T1, sinh ngày 04/8/2013. Từ khi bố mẹ ly thân, các cháu H1, T1 vẫn ở cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều nhất trí giao cả cháu H1, T1 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng anh B. Kết quả xác minh cũng xác định được anh B có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định; có người đủ điều kiện phụ giúp việc nuôi con. Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của hai bên đương sự, cần giao cháu Lê Minh H1 và cháu Lê Phương T1 cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

* *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với anh Lê Văn B (T).

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn B (T) (*Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 03/11/2009 được Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B (T).*

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Minh H1, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Lê Phương T1, sinh ngày 04/8/2013 cho anh Lê Văn B (T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000072 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003577711 ngày 02/4/2025 tại Công dịch vụ công quốc gia).

- Anh Lê Văn B (T) không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B (T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thể - Ngô Cao Lâm

Phạm Thị Thùy Trâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Vĩnh Lợi (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

